TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 3 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I

MÔN TOÁN – KHỐI 3

PHIẾU SỐ 25

Thời gian làm bài: 30 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Số 547 đọc là:

A. Bảy trăm bốn mươi lăm
B. Năm trăm bốn mươi bảy
C. Năm trăm năm mươi bảy
D. Năm trăm bảy mươi tư

Câu 2. Giá trị của biểu thức (94 − 38) : 7 là:

A. 56 **B.** 20 **C.** 17 **D.** 8

Câu 3. Gấp 12 lên 3 lần được:

A. 48 **B.** 15 **C.** 39 **D.** 36

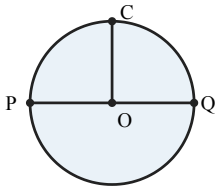
Câu 4. Một phần sáu (1/6) của 30 m là:

A. 5 m **B.** 7 m **C.** 180 m **D.** 24 m

Câu 5. Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 5 dm 4 cm = ……. cm

A. 504 **B.** 45 **C.** 54 **D.** 9

Câu 6. Trong hình bên, đường kính PQ dài 18 dm. Bán kính OC dài:



A. 18 dm **B.** 10 dm **C.** 9 dm **D.** 36 dm

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Tính giá trị của biểu thức:

a) 109 + 90 × 6 = …….

b) 82 − 12 : 2 = …….

c) (35 + 47) × 5 = …….

Bài 2. Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 7 × 5 ……. 32

b) 1 kg ……. 1000 g

c) 7 m 1 cm ……. 691 cm

d) 1/4 của 24 ……. 1/3 của 18

Bài 3. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Gấp 54 lên 6 lần: ……

b) Giảm 12 đi 6 lần: ……

c) 36 thêm 8 đơn vị: ……

d) Gấp 36 lên 8 lần: ……

Bài 4. Tính:

a) 370 g + 137 g = …… g

b) 572 ml − 210 ml = …… ml

c) 237 mm × 2 = …… mm

d) 343 kg : 7 = …… kg

Bài 5. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Hình tròn có bán kính 10 cm thì đường kính là …… cm.

b) Hình tròn có đường kính 30 dm thì bán kính là …… dm.

c) M là trung điểm của đoạn thẳng AB dài 18 mm. Đoạn MB dài …… mm.

Bài 6. Tổ Một trồng được 22 cây. Tổ Hai trồng được gấp 2 lần số cây của tổ Một. Hỏi cả hai tổ trồng được bao nhiêu cây?

a) Tổ Hai trồng được: …… cây

b) Cả hai tổ trồng được: …… cây

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 3 · Phiếu số 25

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	D	D	A	C	C

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 109 + 90 × 6 = 109 + 540 = 649

b) 82 − 12 : 2 = 82 − 6 = 76

c) (35 + 47) × 5 = 82 × 5 = 410

Bài 2.

a) 7 × 5 = 35 nên điền dấu «>»

b) 1 kg = 1000 g nên điền dấu «=»

c) 7 m 1 cm = 701 cm nên điền dấu «>»

d) 1/4 của 24 là 6; 1/3 của 18 là 6 nên điền dấu «=»

Bài 3.

a) 54 × 6 = 324

b) 12 : 6 = 2

c) 36 + 8 = 44

d) 36 × 8 = 288

Thêm một số đơn vị thì cộng, gấp lên nhiều lần thì nhân, giảm đi nhiều lần thì chia.

Bài 4.

a) 507 g

b) 362 ml

c) 474 mm

d) 49 kg

Bài 5.

a) 10 × 2 = 20 (cm)

b) 30 : 2 = 15 (dm)

c) 18 : 2 = 9 (mm)

Bài 6.

Tổ Hai: 22 × 2 = 44 (cây)

Cả hai tổ: 22 + 44 = 66 (cây)